TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 352/2023/HC-PT
Ngày 21/9/2023
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Đặng Kim Nhân**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** – Thẩm tra viên Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Văn Chánh** – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2023/TLPT-HC ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2023/HC-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3226/2023/QĐPT-HC ngày 08 tháng 9 năm 2023; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Quang P, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Minh L và ông Trần Minh T; cùng địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Ông L, có mặt; ông T, vắng).

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Phan Hoàng L1 - Phó Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Phạm Mai H - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã C, huyện K.

Người đại diện của UBND xã C*:* Ông Y Thân M - Phó Chủ tịch UBND xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện ông Nguyễn Quang P ***và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Năm 2015 bà Hoàng Thị M1 có góp vốn với ông Nguyễn Quang P để mở một cơ sở thu mua nông sản tại khu đất có diện tích 1.800m^2 tại buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông P đã đổ đất, làm nhà mái tôn, lợp mái vòm với số tiền đầu tư khoảng 200.000.000 đồng. Lúc ông P làm xong căn nhà này thì chính quyền địa phương (UBND xã C, huyện K) có thống kê và lưu giữ lại toàn bộ hiện trạng công trình mà ông P đã làm. Vào tháng 3 năm 2021, giữa bà Hoàng Thị M1 và bà Nguyễn Thị N xảy ra tranh chấp về việc bà N hủy hoại tài sản của bà M1 và được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thụ lý giải quyết.

Từ năm 2015 đến nay, việc thu mua nông sản vẫn hoạt động bình thường, nhưng sau vụ việc hủy hoại tài sản trên, ngày 16/6/2021 UBND xã C, huyện K đã lập biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC đối với ông Nguyễn Quang P. Ngày 21/3/2022 Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 389/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Quang P. Việc cưỡng chế thu hồi trên là không đúng pháp luật bởi vì: Dọc Quốc lộ 14 tại xã C, huyện K trước kia đều là đất rừng phòng hộ và hiện nay đã có hơn 1.000 hộ dân sinh sống ổn định; Cũng tại vị trí khu đất mà ông P đã xây dựng có những hộ gia đình được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy CNQSDĐ như hộ ông Huỳnh Tấn D và bà Trần Thị N1 đối với thửa đất số 79, tờ bản đồ 65, diện tích 1.042,9m^2, trong đó có 100m^2 đất ở. Ngoài ra, toàn bộ công trình trên là tài sản có vốn góp của bà Hoàng Thị M1 nhưng chỉ cưỡng chế đối với một mình ông P là không đúng đối tượng.

Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét hủy Quyết định số 389/QĐ-CCXP ngày 21/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện K về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Buộc UBND huyện K phải trả lại cho ông Nguyễn Quang P toàn bộ diện tích đất mà UBND huyện K đã cưỡng chế thu hồi vào ngày 17/6/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Minh L và ông Trần Minh T rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung buộc UBND huyện K phải trả lại cho ông Nguyễn Quang P toàn bộ diện tích đất mà UBND huyện K đã cưỡng chế thu hồi vào ngày 17/6/2022 vì thực tế diện tích này chưa có quyết định thu hồi và ông P vẫn đang quản lý.

- Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện K ***và Chủ tịch*** UBND huyện K ***trình bày:***

Về nguồn gốc đất: Diện tích đất hiện nay ông Nguyễn Quang P làm nhà ở, nhà quán và dựng khung sắt thuộc thửa đất số 39a, sơ đồ số 04, diện tích 58.400m^2 tiểu khu C (Mục đích sử dụng đất: Rừng trồng sản xuất loại cây thông ba lá) do UBND xã C trực tiếp quản lý. Theo Quyết định số 529/1999/QĐ-UB, ngày 15/3/1999 của UBND tỉnh Đ về việc thành lập Ban Q; Quyết định số 874/QĐ-UB, ngày 24/7/2004 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi 2656,4 ha đất của Ban Q, giao cho UBND huyện K quản lý thì vị trí thửa đất của ông Nguyễn Quang P đang sử dụng làm nhà ở, nhà quán và dựng khung sắt có nguồn gốc đất rừng phòng hộ Quốc lộ A do Ban Q quản lý (giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2004), đến ngày 24/7/2004 UBND tỉnh Đ giao cho UBND huyện K quản lý. Do đó việc UBND xã C đã lập biên bản vi phạm hành chính và UBND huyện ban hành Quyết định số 1888/QĐ-KPHQ, ngày 16/8/2021 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, theo Quyết định số 905/QĐ-UB ngày 01/4/2003 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án giao đất giao rừng phòng hộ Quốc lộ A tại hai huyện E và K - tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 1030/QĐ-UBND, ngày 16/5/2007 của UBND tỉnh Đ, về phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Đắk Lắk) thì vị trí thửa đất của ông Nguyễn Quang P đang sử dụng là đất lâm nghiệp; Theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2009 tại xã C, vị trí thửa đất của ông Nguyễn Quang P đang sử dụng là đất có rừng trồng sản xuất, ký hiệu (RST); theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2000 xã C, huyện K; Tỉ lệ 1/10.000 và được ký xác nhận ngày 11/01/2001, thì vị trí thửa đất ông Nguyễn Quang P vi phạm thuộc đất rừng.

Mặt khác, vị trí đất ông Nguyễn Quang P vi phạm thuộc buôn Kdrô 2, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 450,18m^2, hiện nay vị trí thửa đất trên, UBND huyện chưa ban hành Quyết định thu hồi. Vì vậy, vị trí thửa đất ông Nguyễn Quang P vi phạm vẫn thuộc Quyết định số 905/QĐ-UB, ngày 01/4/2003 của UBND tỉnh Đ. Có nguồn gốc đất rừng do UBND xã C trực tiếp quản lý.

Năm 2020 UBND xã C đã tiến hành tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với công trình xây dựng trái phép của bà Nguyễn Thị N, do thửa đất bà Nguyễn Thị N vi phạm tại một phần thửa đất số 39a, sơ đồ số 04, tiểu khu C, thửa đất ngay khu vực thửa đất mà ông Nguyễn Quang P chiếm làm nhà ở, nhà quán và dựng khung sắt thuộc buôn Kdrô 2, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Năm 2021 bà Nguyễn Thị N đã khởi kiện quyết định cưỡng chế và yêu cầu bồi thường thiệt hại tại Tòa án nhân dân huyện Krông Búk và Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã có Bản án số 01/2021/HC-ST, ngày 29/11/2021.

Sau khi Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 1888/QĐ-KPHQ, ngày 16/8/2021 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Quang P, ông P đã làm đơn khiếu nại Quyết định số 1888/QĐ-KPHQ và nội dung đơn khiếu nại của ông P đã được UBND huyện K thụ lý, giải quyết theo đúng quy định.

Tại biên bản làm việc giữa UBND xã C với ông Nguyễn Quang P vào ngày 02/6/2020 và 26/10/2021, ông P đã thừa nhận nguồn gốc đất tại vị trí ông đang xây dựng trái phép *(của một phần thửa đất số 39a, sơ đồ số 04)* là đất lâm nghiệp và được gia đình ông trực tiếp tiến hành san lấp để lấy mặt bằng xây dựng lều quán bán hàng vào năm 2015. Thời điểm UBND xã C lập biên bản vi phạm hành chính

thì người sử dụng đất là ông Nguyễn Quang P, cũng chính là chủ thể thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai *(trực tiếp quản lý và sử dụng gồm các công trình như: làm nhà ở, nhà quán và dựng khung sắt)*. Đồng thời, ông P cũng đã thừa nhận với UBND xã C vị trí công trình ông xây dựng là đất lâm nghiệp, bản thân ông cũng đã đồng ý chấp hành tự nguyện tháo dỡ công trình và thời hạn ông sẽ thực hiện là 90 ngày, kể từ ngày 02/6/2020. Tuy nhiên, đến ngày 16/6/2021 ông Nguyễn Quang P không thực hiện đúng với nội dung tại biên bản làm làm việc ngày 02/6/2020.

Vì vậy, ngày 21/3/2022 Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 389/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Nguyễn Quang P là đúng quy định của pháp luật. Do đó đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quang P.

- Đại diện của UBND xã C***,*** huyện K ***trình bày*****:**

Thửa đất số 39a, sơ đồ số 04, diện tích 58.400m^2 tiểu khu C *(Mục đích sử dụng đất: Rừng trồng sản xuất loại cây thông ba lá)* do UBND xã C trực tiếp quản lý. Tại một phần thửa đất số 39a, sơ đồ số 04 hiện nay ông Nguyễn Quang P chiếm đất làm nhà ở, nhà quán và dựng khung sắt có nguồn gốc đất rừng sản xuất. Theo quy định thì vị trí này ông Nguyễn Quang P không được phép làm nhà ở, nhà quán và dựng khung sắt, vi phạm điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Theo bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2009 tại xã C, vị trí thửa đất của ông Nguyễn Quang P đang sử dụng là đất có rừng trồng sản xuất. Diện tích 450,18m^2 mà ông P chiếm đất hiện nay UBND huyện chưa ban hành Quyết định thu hồi.

Năm 2020, UBND xã C đã tiến hành tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với công trình xây dựng trái phép mà ông Nguyễn Quang P chiếm làm nhà ở, nhà quán và dựng khung sắt thuộc buôn Kdrô 2, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nên UBND xã C tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính UBND xã C đã chuyển toàn bộ hồ sơ vi phạm đối với ông Nguyễn Quang P và đề nghị Chủ tịch UBND huyện K xem xét xử lý đúng thẩm quyền theo quy định. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quang P.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2023/HC-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Căn cứ Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 38; Điều 54; Điều 86; Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính; Căn cứ Điều 12 Luật đất đai 2013; điểm a khoản 2 Điều 3, điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định số: 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và khoản 3 Điều 12 Luật xây dựng năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang P về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 389/QĐ-CCXP ngày 21/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk về việc "Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả".

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang P về việc buộc UBND huyện K phải trả lại cho ông Nguyễn Quang P toàn bộ diện tích đất mà UBND huyện K đã cưỡng chế thu hồi vào ngày 17/6/2022.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 06/7/2023, ông Nguyễn Quang P kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Quang P giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đồng thời cho rằng dọc Quốc lộ A thuộc khu vực xã C, huyện K trước kia đều là đất rừng phòng hộ và hiện nay có hơn 1.000 hộ dân sinh sống, có hộ đã được cấp giấy CNQSDĐ, nhưng chỉ có một mình ông bị xử lý vi phạm hành chính là không công bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Quang P; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Quang P; nhận thấy:

[1.1]. Theo Quyết định số 905/QĐ-UB ngày 01/4/2003 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án giao đất, giao rừng phòng hộ Quốc lộ A tại hai huyện E và K, tỉnh Đắk Lắk thì diện tích đất 450,18m^2 tại buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk mà ông Nguyễn Quang P quản lý, sử dụng nằm trong diện tích thửa đất số 39a, sơ đồ số 4 thuộc đất rừng phòng hộ trong tổng diện tích 2.842,5ha đã được phê duyệt.

Ngày 24/7/2004 UBND tỉnh Đ đã thu hồi 2.656,1ha đất rừng phòng hộ Quốc lộ 14 giao cho UBND huyện K quản lý theo Quyết định số 874/QĐ-UB.

Theo bản đồ hiện trạng rừng xã C, huyện K kèm theo Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 16/5/2007 của UBND tỉnh Đ phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 03 loại rừng tỉnh Đắk Lắk, thì vị trí thửa đất mà ông P đang quản lý, sử dụng là đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn, theo Quyết định số 3521/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND huyện K phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch

chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu ở 1 Trung tâm huyện lỵ Krông Búk thuộc UBND xã C quản lý.

Do đó, việc ông P tự ý làm nhà ở, nhà quán và dựng khung sắt để kinh doanh mua bán nông sản trên diện tích đất rừng sản xuất khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép là hành vi chiếm đất được quy định tại Điều 12 Luật đất đai; điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số: 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và khoản 3 Điều 12 Luật xây dựng năm 2014.

Do đó, Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 389/QĐ-CCXP về việc "Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả" để cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng trái phép và khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Nghị định số: 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Điều 29, Điều 30 và Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[1.2]. Ông Nguyễn Quang P cho rằng nhà ở, toàn bộ nhà quán, khung sắt là tài sản có vốn góp của bà Hoàng Thị M1 với ông P để mở cơ sở thu mua nông sản nên các Quyết định ban hành đối với ông là không đúng đối tượng; xét thấy tại các biên bản làm việc ngày 02/6/2020 của UBND xã C; biên bản làm việc ngày 26/10/2021 của Đ xác minh 2372, ông P đều thừa nhận nguồn gốc đất tại vị trí ông xây dựng trái phép là đất lâm nghiệp và được gia đình ông trực tiếp tiến hành san lấp để lấy mặt bằng xây dựng. Thời điểm lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính thì người sử dụng đất là ông Nguyễn Quang P là chủ thể thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Tại biên bản xác minh số 22 ngày 02/7/2021 của UBND xã C thể hiện từ trước đến nay không có bà Hoàng Thị M1 sử dụng đất tại buôn K hoặc có liên quan đến thửa đất ông P vi phạm. Do đó, việc áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với một mình ông P là đúng đối tượng.

Với tài liệu, chứng cứ nêu trên, án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang P là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông P kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có căn cứ để chấp nhận; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[1.3]. Đối với nội dung ông P cho rằng dọc Quốc lộ A thuộc khu vực xã C, huyện K trước kia đều là đất rừng phòng hộ và hiện nay có hơn 1.000 hộ dân sinh sống, có hộ đã được cấp giấy CNQSDĐ, nhưng chỉ có một mình ông bị xử lý vi phạm hành chính là không công bằng. Xét thấy nội dung này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; ông có thể thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Quang P; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2023/HC-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Quang P phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Đã nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003786 ngày 17/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào